

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 290/2023/DS-PT

Ngày 23-6-2023

“V/v tranh chấp dân sự
về thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Sỹ Danh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp dân sự về thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 276/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số nhà C, đường B, tổ A, khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Võ Trung T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số nhà C, đường N, tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Võ Trung T: Chị Trịnh Thanh T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Võ Trung T: Luật sư Nguyễn Thành T2, Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A;

Địa chỉ: Số C, đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Thành X, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số nhà A, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Võ Ngọc S, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của ông Võ Thành X, bà Võ Ngọc S: Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà C, đường B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2022; 31/5/2021).

3.3. Anh Võ Phú T3, sinh năm 1978;

3.4. Chị Võ Trần Mai T4, sinh năm 1980;

3.5. Anh Võ Phước T5, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Số C, Nguyễn Hữu K, tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của anh Võ Phú T3, chị Võ Trần Mai T4 và anh Võ Phước T5: Chị Trịnh Thanh T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Phú T3, Võ Trần Mai T4, Võ Phước T5: Luật sư Nguyễn Thành T2, Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A;

Địa chỉ: Số C, đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.6. Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1983;

3.7. Võ Nguyễn Đức V, sinh năm 2014;

Người đại diện theo pháp luật của Võ Nguyễn Đức V: Võ Phú T3 và Nguyễn Thị Trúc L (cha, mẹ ruột cháu V); Cùng địa chỉ: Số nhà B, đường N, tổ D, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ liên lạc: Số nhà C, đường N, tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

* **Người kháng cáo:** Ông Võ Trung T là bị đơn; anh Võ Phú T3, chị Võ Trần Mai T4, anh Võ Phước T5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Luật sư, bà Võ Ngọc H, chị Trịnh Thanh T1 và anh Võ Phú T3 có mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt tại phiên tòa. Riêng luật sư và chị T1 vắng mặt tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Ngọc H trình bày:

Cụ Võ Thành S1, sinh năm 1925 (chết 2008) và cụ Lê Thị Đ, sinh năm 1926 (chết 1998) là vợ chồng. Cụ S1 và cụ Đ có 04 người con, gồm: Võ Thành X, sinh năm 1949; Võ Trung T, sinh năm 1954; Võ Ngọc S, sinh năm 1958; Võ Ngọc H, sinh năm 1961.

Quá trình chung sống, cụ S1 và cụ Đ được cha mẹ để lại các tài sản như sau:

1. Phần đất diện tích 2.643m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Thành S1 ngày 30/6/1994, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh

Đồng Tháp.

2. Phần đất diện tích 1.413,3m² (300m² đất thổ và 1.113,3m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Thành S1 ngày 22/8/2003.

2.1. Một căn nhà cấp 4 ngang 06m, dài 09m, nền lót gạch tàu, vách gạch, mái lợp tole; nhà phụ phía sau ngang 06m, dài 03m, mái lợp tole, vách tole và tài sản trong nhà gồm tủ thờ, bàn, ghế, tủ quần áo, giường...

2.2. Các cây trồng trên thửa đất gồm: Mai, xoài, mận, dừa, chuối...

Ngày 09/7/2002, cụ S1 có lập di chúc để lại tài sản cho các con, nội dung cụ thể như sau:

“Phần đất và nhà tại ấp H, xã H để làm hương hỏa. Sau này đứa con nào về ở, lấy huê lợi trên đất để đóng thuế, cúng kiến, tu bổ nhà cửa, mồ mã... Phần đất và nhà này không được bán, trao đổi, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt bằng các hình thức nào khác. Nếu vì trường hợp đặc biệt quan trọng, bất khả kháng cần phải chuyển nhượng thì cũng phải có sự đồng ý của 04 người con và chia đồng đều số tiền thu được.

...

Trong lúc ba đột ngột qua đời mà chưa có đứa con nào về tại nhà ba thì theo nguyên tắc từ xưa đến nay “quyền huynh thế phụ”, tức là Ba chỉ định cho Võ Thành X là con trai trưởng thừa kế đất và nhà, quản lý để giải quyết sự việc phát sinh cho hợp lý và công minh...”

Sau khi cụ S1 chết:

Phần đất tại xã N diện tích 2.643m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Thành S1 ngày 30/6/1994, đã được 04 người con gồm: Võ Thành X; Võ Trung T; Võ Ngọc S; Võ Ngọc H thỏa thuận phân chia đều diện tích và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Các đương sự không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn lại phần đất 1.413,3m² (300m² đất thổ và 1.113,3m² đất trồng cây lâu năm) đo đạc thực tế diện tích là 1.384,1m² tại xã H, bà H và con ông T là Võ Trần Mai T4 về sống tại căn nhà trên phần đất hương hỏa. Thời gian sau, ông T4 về sống chung tại căn nhà trên. Năm 2013, con ông T4 là Võ Phú T3 xây nhà nối tiếp căn nhà cũ ngang 09m, dài 06m. Sau đó, bà H nhiều lần xin được xây sửa lại nhà trên đất để ở vì nhà đã xuống cấp, không có điều kiện sửa chữa, con cháu ngày càng nhiều nhưng ông T4 không đồng ý vì cho rằng bà H có ý định chiếm đoạt đất của cha mẹ để lại, còn ông X và bà S thì đồng ý cho bà H sửa chữa nhà lại để ở. Do đó, ông X, bà H, bà S yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để xác định kỹ phần thừa kế của mỗi người đối với đất của cha mẹ để lại.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 1.413,3m² (300m² đất thổ và 1.113,3m² đất trồng cây lâu năm) đo đạc thực tế diện tích là

1.384,1m², thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Thành S1 ngày 22/8/2003 bà H yêu cầu chia thừa kế, như sau:

Đối với phần đất đo đạc thực tế diện tích là 1.384,1m² thuộc thửa số 11, trong phạm vi các mốc 3, 4, 5, 6, 7 về 3; bà H yêu cầu được nhận phần đất diện tích 237,5m² trong phạm vi các mốc C, D, E, F về mốc C thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 01.

Đối với phần đất diện tích 54,5m² thuộc một phần thửa số 11; diện tích 117,6m² thuộc một phần thửa 386 là taluy đường và phần đất đã thu hồi theo quyết định thu hồi đất số 145 ngày 14/6/2018 của UBND thành phố C và Quyết định bồi thường số 347 ngày 15/6/2018 của UBND thành phố C bồi thường số tiền 52.384.474 đồng quyết định giao 04 người con gồm ông X, ông T4, bà S và bà H đồng sở hữu, bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với diện tích 123m² trong phạm vi các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17 về 12, đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Bà H không yêu cầu chia thừa kế. Đồng ý giao cho ông X hưởng thừa kế.

Đối với căn nhà chính ông T4 đang quản lý, sử dụng là nhà của cha mẹ để lại, có sửa chữa nhiều lần, bà H không yêu cầu chia phần căn nhà này. Bà đồng ý để cho ông T4 được quản lý, sử dụng căn nhà vào việc thờ cúng. Riêng nhà phụ do gia đình anh T3 sử dụng, bà H đồng ý để anh T3 tiếp tục quản lý sử dụng, bà H không yêu cầu chia đôi với căn nhà này.

Đối với căn nhà bếp tạm và nhà vệ sinh của hộ ông T4 trên phần đất bà H yêu cầu chia, bà H yêu cầu hộ ông T4 tháo dỡ để trả lại đất cho bà được thừa kế. Bà H đồng ý hỗ trợ cho phí di dời số tiền 5.000.000 đồng cho ông T4.

Đối với phần cây trồng trên đất, có nhiều người trồng nhưng bà H thống nhất là do ông T4 trồng và bà H đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông T4 nếu nằm trên phần đất bà được chia. Bà H thống nhất trả theo giá của Hội đồng định giá.

Bà H đồng ý trừ ra phần đất diện tích 587,9m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, I, E, về mốc 4 làm khu mộ chung và diện tích 81,2m² trong phạm vi các mốc 7, A, H, I, về 7 làm lối đi chung vào khu mộ, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 01.

Bà H thống nhất với nội dung các biên bản định giá, biên bản thẩm định, biên bản thẩm định bổ sung của Tòa án sơ thẩm thu thập.

Riêng yêu cầu cải tạo đất của ông T4 và gìn giữ di sản, do tại phiên tòa anh T3 đại diện theo ủy quyền của ông T4 không có yêu cầu nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bà Võ Ngọc H đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thành X trình bày:

Ông X thống nhất nguồn gốc đất và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp như bà H trình bày. Nay ông X không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 1.384,1m² thuộc thửa

11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông X yêu cầu được chia đôi với di sản cha mẹ ông để lại là diện tích 123m² trong phạm vi các mốc 12, 14, 15, 17 về 12 thuộc một phần thửa 386, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đất chưa được cấp giấy CNQSD đất cho ai.

Đối với căn nhà chính ông T4 đang sử dụng và nhà phụ do gia đình anh T3 sử dụng, ông X đồng ý để ông T4 và anh T3 tiếp tục quản lý sử dụng, ông không yêu cầu chia đôi với căn nhà này. Thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của bà H đối với phần đất diện tích 237,5m² trong phạm vi các mốc C, D, E, F về mốc C thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 01.

Đối với phần cây trồng trên đất là do nhiều người trồng nhưng ông X thống nhất tất cả do ông T4 trồng, nếu ông X nhận phần đất có cây trồng thì ông đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông T4 theo giá Hội đồng định giá đã định.

Ông X thống nhất chừa phần đất khu mộ chung, diện tích 587,9m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, I, E về mốc 4 và diện tích 81,2m² trong phạm vi các mốc 7, A, H, I, về 7 làm lối đi chung vào khu mộ, thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 01.

Đối với phần diện tích 54.5m² thuộc một phần thửa 11; diện tích 117,6m² thuộc một phần thửa 386 là taluy đường và phần đất đã thu hồi theo quyết định thu hồi đất số 145 ngày 14/6/2018 của UBND thành phố C và Quyết định bồi thường số 347 ngày 15/6/2018 của UBND thành phố C bồi thường số tiền 52.384.474 đồng quyết định giao 04 người con gồm ông X, ông T4, bà S và bà H đồng sở hữu, ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông X thống nhất biên bản định giá, biên bản thẩm định, biên bản thẩm định bổ sung của Tòa án và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Đối với yêu cầu cải tạo đất của ông T4 và gìn giữ di sản, do tại phiên tòa anh T3 đại diện theo ủy quyền của ông T4 không có yêu cầu nên ông X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bà Võ Ngọc H đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc S trình bày:

Bà S thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp như bà H trình bày. Bà S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích đo thực tế 230,2m², trong phạm vi các mốc C, F, G, H, H', G', F', C' về C, thuộc một phần thửa số 11.

Đối với căn nhà chính ông T4 đang sử dụng và nhà phụ do gia đình anh T3 sử dụng, bà S đồng ý để ông T4 và anh T3 tiếp tục quản lý sử dụng, bà không yêu cầu chia đôi với căn nhà này.

Đối với phần cây trồng trên đất là do nhiều người trồng nhưng bà S thống nhất tất cả do ông T4 trồng, bà S đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông T4 theo giá Hội đồng định giá đã định trên đất được chia.

Bà **S** thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của bà **H** đối với phần đất diện tích 237,5m² trong phạm vi các mốc C, D, E, F về mốc C thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 01 và thống nhất yêu cầu của ông **X** yêu cầu được chia đối với di sản cha mẹ ông để lại là diện tích 123m² trong các mốc 12, 14, 15, 17 về mốc 12 thuộc một phần thửa 386, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã **H**, thành phố **C**, tỉnh **Đồng Tháp** đất chưa được cấp giấy CNQSD đất cho ai.

Bà **S** thống nhất diện tích 587,9m² làm khu mộ chung và diện tích 81,2m² làm lối đi chung, thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 01.

Đối với phần diện tích 54,5m² thuộc một phần thửa 11; diện tích 117,6m² thuộc một phần thửa 386 là taluy đường và phần đất đã thu hồi theo quyết định thu hồi đất số 145 ngày 14/6/2018 của UBND thành phố **C** và Quyết định bồi thường số 347 ngày 15/6/2018 của UBND thành phố **C** bồi thường số tiền 52.384.474 đồng quyết định giao 04 người con gồm ông **X**, ông **T4**, bà **S** và bà **H** đồng sở hữu, bà **S** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Bà **S** thống nhất biên bản định giá, biên bản thẩm định, biên bản thẩm định bổ sung của Tòa án và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố **C**.

Đối với yêu cầu cải tạo đất của ông **T4** và gìn giữ di sản, do tại phiên tòa anh **T3** đại diện theo ủy quyền của ông **T4** không có yêu cầu nên bà **S** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ, phúc thẩm, ông **Võ Trung T** có người đại diện theo ủy quyền là anh **T3**, chị **T1** trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp ông **T** thống nhất đất do ông bà, cha mẹ để lại như bà **H**, bà **S**, ông **X** trình bày. Đối với yêu cầu của bà **H**, ông **X** và bà **S**, ông **T** không đồng ý. Mặc dù phần đất này ông **T** thống nhất là đất do ông bà cha mẹ để lại nhưng không phải là di sản thừa kế mà là đất hương hỏa thờ cúng ông bà. Ông **T** gìn giữ và thờ cúng từ trước đến nay nên không đồng ý chia thừa kế.

Trường hợp có căn cứ xác định đất là di sản chia thừa kế thì ông **T** yêu cầu chia đất cho hộ ông **S1** gồm có ông **S1**, ông **T**, anh **T3**, chị **T** và anh **T5**. Phần của ông **S1** chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Đối với công cải tạo đất và gìn giữ tài sản của cha mẹ để lại, tại phiên tòa anh **T3** đại diện theo ủy quyền của ông **T** cho rằng do đất của cha mẹ để lại, ông có cải tạo nhưng không nhiều và không có yêu cầu ông **X**, bà **S** và bà **H** trả tiền công cải tạo cho ông.

Căn nhà chính do ông **T** đang quản lý, sử dụng, ông **T** yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng để lo hương hỏa thờ cúng ông bà.

Đối với căn nhà của anh **T3**, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng nếu trường hợp chia thừa kế phần đất có nhà của anh **T3** thì nếu buộc phải tháo dỡ di dời thì người nhận đất phải trả giá trị nhà cho anh **T3** (nếu có yêu cầu).

Cây trồng trên đất tranh chấp, do ông T và nhiều người khác trồng nhưng các đương sự thống nhất do ông T trồng toàn bộ, ông T đồng ý và yêu cầu giữ nguyên hiện trạng các cây trồng. Nếu trường hợp chia thừa kế thì ông T yêu cầu ông X, bà S, bà H trả giá trị cây trồng nằm trên phần đất được chia cho ông T theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Ông T thống nhất sử dụng phần đất khu mộ chung, diện tích 587,9m² thuộc một phần thửa 11; ông T không đồng ý sử dụng lối đi chung theo yêu cầu của ông X, bà S và bà H.

Ông T thống nhất biên bản định giá, biên bản thẩm định, biên bản thẩm định bổ sung của Tòa án và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Đối với phần diện tích 54.5m² thuộc một phần thửa 11; diện tích 117,6m² thuộc một phần thửa 386 là taluy đường và phần đất đã thu hồi theo quyết định thu hồi đất số 145 ngày 14/6/2018 của UBND thành phố C và Quyết định bồi thường số 347 ngày 15/6/2018 của UBND thành phố C bồi thường số tiền 52.384.474 đồng, ông T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với căn nhà bếp tạm và nhà vệ sinh của hộ ông T trên phần đất bà H yêu cầu chia, bà H yêu cầu hộ ông T tháo dỡ, di dời để giao đất cho bà H được thừa kế. Bà H đồng ý hỗ trợ chi phí di dời số tiền 5.000.000 đồng cho ông T, ông T đồng ý nhận.

- Anh T3 với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho chị Võ Trần Mai T4, anh Võ Phước T5 và đại diện theo pháp luật của Võ Nguyễn Đức V trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của ông T4. Yêu cầu giữ nguyên căn nhà anh đang ở nếu trường hợp chia thừa kế thì anh T3 không yêu cầu đối với nhà phụ anh đang ở, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

- Chị Nguyễn Thị Trúc L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Võ Nguyễn Đức V không có ý kiến về nội dung vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Luật sư Nguyễn Thành T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Trung T, anh Võ Phú T3, chị Võ Trần Mai T4, anh Võ Phước T5 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ S1 và cụ Đ được ông bà để lại. Ngày 09/7/2002, cụ S1 lập di chúc, định đoạt toàn bộ tài sản là không đúng quy định pháp luật, di chúc không hợp pháp. Ngày 15/5/2000, hộ cụ S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và ngày 22/8/2003 hộ cụ S1 đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có ai tranh chấp thì xem sự việc cấp đất cho hộ cụ S1 là hợp pháp, đây là tài sản chung của hộ. Sau khi cụ S1 chết, ông X, bà S và bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 1.438,6m² thửa số 11, tờ bản đồ số 01 cho 04 người con là không đúng, hộ ông T4 không đồng ý. Hộ ông T4 chỉ đồng ý trừ diện tích đất khu mộ diện tích 587,9m², phần còn lại chia đất cho hộ cụ S1 gồm: Cụ S1, ông T4, anh T3,

chị **Mai T4** và anh **T5**; phần của cụ **S1** chia theo pháp luật cho 04 người con.

Riêng phần đất diện tích 240,6m² tại thửa 386, tờ bản đồ số 01 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông **T4** đồng ý chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người con.

Ngoài ra, phần đất tại thửa số 11, tờ bản đồ số 01 có 300m² đất thổ nhưng chưa xác định được vị trí và phần diện tích chia thừa kế nhỏ, không đủ diện tích tách thửa theo quy định của Luật đất đai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **X**, bà **S** và bà **H**; chia giá trị thừa kế diện tích đã phân tích trên và giao toàn bộ phần đất cho ông **T4** quản lý, sử dụng.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, đã tuyên xử:

[1] Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Ông **X**, ông **T4**, bà **S**, bà **H** được sử dụng phần đất diện tích 587,9m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, I, H, G, F, E về mốc 4 thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** làm khu mộ chung và được sở hữu các cây trồng trên khu mộ chung.

[2] Chấp nhận yêu cầu của ông **X**, bà **S**, bà **H**: Ông **X**, ông **T4**, bà **S**, bà **H** được sử dụng lối đi chung diện tích 81,2m² trong phạm vi các mốc A, H, I, 7 về A thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

[3] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông **X**, bà **S** và bà **H**.

Ông **X** được chia 123m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 386, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** và được sở hữu cây trồng trên đất được chia.

Bà **H** được chia thừa kế diện tích 237,5m² trong phạm vi các mốc D, E, F, C về mốc D, trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 137,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; được sở hữu cây trồng trên đất được chia.

Bà **S** được chia thừa kế diện tích 230,2m² trong phạm vi các mốc C, F, H, H', F', C' về mốc C, trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 130,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; được sở hữu cây trồng trên đất được chia.

Ông **T4** được chia thừa kế diện tích 247,3m² trong phạm vi các mốc C', F', G', H', A, B về mốc C', trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 147,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; được sở hữu căn nhà và sở hữu cây trồng trên đất được chia; được sở hữu các cây trồng trên đất lối đi chung.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 08/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

[4] Cây trồng trên đất: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Ông X, bà S và bà H mỗi người có trách nhiệm trả cho ông T4 giá trị cây trồng trên đất là 10.000.000 đồng.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà H: Bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà bếp tạm cho ông T4 số tiền là 5.000.000 đồng. Ông T4 có trách nhiệm di dời nhà bếp tạm và nhà vệ sinh ra khỏi phần đất của bà H được chia thừa kế.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng cộng là 7.715.000 đồng, ông X, bà S, bà H và ông T4 mỗi người phải chịu là 1.928.750 đồng. Chi phí này bà H đã tạm ứng và chi xong nên ông X, bà S và ông T4 mỗi người có trách nhiệm nộp để trả lại cho bà H số tiền 1.928.750 đồng.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông X, ông T4, bà S, bà H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 3 năm 2023, ông Võ Trung T là bị đơn, chị Võ Trần Mai T4, anh Võ Phú T3, anh Võ Phước T5 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Ông Võ Trung T, chị Võ Trần Mai T4, anh Võ Phú T3, anh Võ Phước T5 kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, phần đất diện tích 1.413,3m² là đất cấp cho hộ ông Võ Thành S1, Tòa án chia thừa kế đối với diện tích đất này là không đúng quy định pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Võ Trung T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Phú T3, Võ Trần Mai T4, Võ Phước T5 tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Thống nhất với ông X, bà S và bà H về di sản của cụ S1, cụ Đ gồm phần diện tích đất 123m², thuộc thửa số 386, tờ bản đồ số 1, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khu mô mã diện tích 587,9m², thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 22/8/2003. Đồng thời, luật sư cho rằng án sơ thẩm phân chia diện tích đất của cụ S1, cụ Đ là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Võ Trung T, Võ Phú

T3, Võ Trần Mai T4, Võ Phước T5.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Võ Trung T** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Võ Phú T3, Võ Trần Mai T4, Võ Phước T5** giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn **Võ Trung T** và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Võ Phú T3, Võ Trần Mai T4, Võ Phước T5** được thực hiện đúng thời hạn, đúng thủ tục luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của cháu **Võ Nguyễn Đức V** là chị **Nguyễn Thị Trúc L** đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên việc vắng mặt của chị **L** tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt chị **L**.

[3] Phần đất tranh chấp yêu cầu chia thừa kế giữa nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với hộ bị đơn trong vụ án này tổng diện tích yêu cầu chia thừa kế là 1.507,1m² (1.384,1m² + 123m²), gồm:

- Thừa số 11, tờ bản đồ số 1, diện tích được cấp 1.413,3m² (đo đạc thực tế diện tích 1.384,1m²), trong đó không tính phần diện tích 54,5m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 7, 8, 9 trở về 1 là đất thuộc taluy đường. Do đó, phần diện tích đất 1.384,1m² gồm có diện tích 300m² đất ở nông thôn và diện tích 1.084,1m² đất trồng cây lâu năm.

- Thừa số 386, tờ bản đồ số 1, không tính phần diện tích 117,6m² trong phạm vi các mốc 10, 11, 12, 17, 18, 19 trở về 10 là đất thuộc taluy đường. Do đó, phần diện tích đất 123m² trong phạm vi các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17 trở về 12 đất trồng cây lâu năm, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất tranh chấp thừa kế được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện cấp cho hộ ông **Võ Thành S1**. Tuy nhiên, tất cả 04 người con cụ **S1** gồm: ông **Võ Thành X**; ông **Võ Trung T**; bà **Võ Ngọc S**; bà **Võ Ngọc H** đều thừa nhận nguồn gốc đất của cha mẹ cụ **Đ** để lại, cho vợ chồng cụ **S1**, cụ **Đ** quản lý sử dụng từ năm 1968. Theo đơn xin

đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/11/1998, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 07/3/2000 của cụ **Võ Thành S1** đều thể hiện nguồn gốc đất là của ông bà để lại từ năm 1968. Ngày 09/7/2002 cụ **S1** lập tờ di chúc đã được Ủy ban **xã H** xác nhận là hợp pháp theo qui định của pháp luật và tất cả 04 người con đều thừa nhận của cụ **S1** lập có nội dung thể hiện ý chí cụ **S1** tại thời điểm lập di chúc năm 2002 thì ông **T** vẫn còn ở nhà tập thể của **Công ty V1** (tại **phường A, tp C**). Do đó, có căn cứ chứng minh từ năm 2000 khi **H1** cụ **S1** được cấp Giấy CNQSD đất lần đầu phần đất tranh chấp và 2002 cụ **S1** lập di chúc thì ông **T** và gia đình chưa về ở chung nhà, đất với cụ **S1** (nhà đất hiện là di sản đang tranh chấp), do đó việc ông **T**, anh **T3** cho rằng đất cấp cho Hộ ông **S1** có ông **T**, anh **T3**, chị **Võ Trần Mai T4**, **Võ Phước T5** được hưởng quyền của thành viên chung Hộ được cấp QSD đất là chưa đủ căn cứ theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013 về quyền sử dụng đất cấp cho **H1**. Mặt khác, tờ di chúc cụ **S1** thể hiện ý chí khi cụ **S1** qua đời thì cụ “*chỉ định cho **Võ Thành X** con trai trưởng nam thừa kế đất và nhà quản lý để giải quyết mọi sự việc phát sinh cho hợp lý và công minh ...*”, và “*nếu vì trường hợp đặc biệt quan trọng bất khả kháng.... phải có sự đồng ý của 4 con và phân chia đồng đều...*” thể hiện QSD đất đang tranh chấp là di sản thừa kế của cụ **S1**, cụ **Đ** chết để lại. Do đó, ông **X**, bà **S**, bà **H** đều không thống nhất di sản của **H1** cụ **S1** gồm có ông **T4** và các con ông **T4** gồm: anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5** (đối với vợ ông **T4** là bà **Trần Thị M** đã ly hôn ông **T4** từ năm....) mà chỉ thống nhất là di sản của cá nhân cụ **S1** và cụ **Đ** chết để lại chưa chia và tờ di chúc ngày 09/7/2002 của ông **S1** cũng không thể hiện nội dung nhập phần nhà đất là di sản vào Hộ cụ **S1** gồm cụ **S1** và gia đình ông **T4**, anh **T3**, anh **T5**, chị **Mai T4** mà cụ **S1** có ý nguyện giao ông **X** thừa kế và giải quyết mọi việc phát sinh là có căn cứ. Do đó, khi bà **H** phát sinh tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thì ông **X**, bà **S**, bà **H** đều đồng ý thống nhất yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là QSD đất này, đồng thời giao lại căn nhà của cụ **S1** cho ông **T4** được hưởng và quản lý thờ cúng cha mẹ (cụ **S1**, cụ **Đ**) là phù hợp ý chí của cụ **S1** và cũng không trái qui định của pháp luật về thừa kế.

[5] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị **Trình Thanh T1** là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông **T4**, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan: anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5** trình bày yêu cầu Hội đồng xét xử chia đều quyền sử dụng đất cho những người chung hộ cụ **S1** gồm có cụ **S1**, ông **T4**, anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5** đối với diện tích đất tranh chấp, phần của cụ **S1** sẽ chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì chị **T1** và anh **T3** cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông bà cho cụ **S1**, cụ **Đ** vào năm 1968, không phải do hai cụ tạo lập ra, chị **T1** và anh **T3** xác định đây là tài sản chung của cụ **S1**, cụ **Đ**, nhưng sau khi cụ **Đ** chết cụ **S1** lại lập di chúc quyết định toàn bộ phần tài sản chung là chưa đúng quy định của pháp luật, theo quy định thì cụ **S1** chỉ được quyền quyết định của ½ tài sản chung của cụ **S1** và cụ **Đ**. Đồng thời, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông **S1** vào ngày 15/5/2000 nhưng cụ **S1** lập di chúc vào ngày 09/7/2002. Do

đó, di chúc trên không đúng quy định của pháp luật. Trong khi ông T4, anh T3, chị Mai T4 và anh T5 có tên trong hộ khẩu cùng với cụ Đ và cụ S1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ ông S1 đứng tên vào năm 2000 và trong hộ ông S1 tại thời điểm cấp đất gồm: cụ S1, ông T4, anh T3, chị Mai T4 và anh T5. Anh T3 còn cho rằng đây là đất hương hỏa, dùng cho việc thờ cúng ông bà, ông T4 là người gìn giữ thờ cúng cho đến nay. Đồng thời, trong quá trình sống chung có bỏ ra các khoản chi phí cải tạo, bồi lấp đất.

[6] Xét nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của chị T1 và anh T3 là chưa đủ căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm thì chị T1, anh T3 không có tài liệu, chứng cứ pháp lý gì để chứng minh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 1 (diện tích 1.413,3m² được cấp giấy năm 2003, đo đạc thực tế diện tích 1.384,1m²) và thửa 386 diện tích 123m² đang tranh chấp trên là diện tích đất của chung các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà diện tích thửa đất số 11, 386 trên là di sản của cụ S1, cụ Đ để lại chưa chia nên được chia theo pháp luật theo yêu cầu của các đồng thừa kế gồm ông X, bà S, bà H và ông T4 là hoàn toàn có căn cứ. Mặt khác, theo như đã phân tích trên tại thời điểm năm 2002 cụ S1 lập di chúc cho thấy nguồn gốc thửa đất số 11, 386 đang tranh chấp trên là của cụ S1, cụ Đ để lại và ông T4, anh T3, chị Mai T4 và anh T5 cũng không có gì chứng minh công sức, đóng góp để tạo lập nên các thửa đất số 11, 386 nên ông T4, anh T3, chị Mai T4 và anh T5 không thuộc đối tượng chung Hộ gia đình được cấp Giấy CNQSD theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013 mà chỉ là những người có tên chung Hộ khẩu là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T4, anh T3, chị Mai T4 và anh T5 là phù hợp, đúng pháp luật;

[7] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và xét xử chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 1.624,7m² của cụ S1, cụ Đ cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm ông X, ông T4, bà S, bà H, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế, cụ thể như sau:

- Ông X được hưởng kỷ phần diện tích 123m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 386, tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu các cây trồng trên đất được chia.

- Bà H được hưởng kỷ phần diện tích 237,5m², thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu các cây trồng trên đất được chia.

- Bà S được hưởng kỷ phần diện tích 230,2m², thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu các cây trồng trên đất được chia.

- Ông T4 được hưởng kỷ phần diện tích 247,3m², thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu căn nhà và các cây trồng trên đất được chia. Ông T4 được hưởng phần

di sản thừa kế có diện tích đất nhiều hơn những người khác và căn nhà cụ **S1** là đã có xem xét công sức đóng góp trong quản lý gìn giữ ngôi nhà là di sản của cụ **S1** để lại.

- Đối với phần đất diện tích 587,9m² làm khu mộ chung thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 1 và việc phân chia thừa kế cho ông **X**, ông **T4**, bà **S**, bà **H** do các bên tự nguyện thống nhất nên án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với lối đi diện tích 81,2m² thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 1 ông **X**, bà **S**, bà **H** thống nhất làm lối đi chung, riêng ông **T4** thì không đồng ý. Xét thấy, ông **T4** được quyền quản lý sử dụng sở hữu căn nhà và đất nhưng do các bên đã có mâu thuẫn, phát sinh tranh chấp chia thừa kế. Mặt khác, các bên thống nhất diện tích đất khu mộ thuộc quyền quản lý chung, nhưng ông **X**, bà **S** và bà **H** không có lối đi ra khu mộ nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông **X**, bà **S** và bà **H** là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với các cây trồng trên đất chia thừa kế các bên thống nhất do ông **T4** trồng và những người được chia đất thống nhất mỗi người được chia đất có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng trên đất là 10.000.000đ cho ông **T4** và ông **T4** được sở hữu cây trồng trên lối đi chung.

- Bà **H** tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời nhà bếp tạm và nhà vệ sinh là 5.000.000đ, ông **T4** đồng ý nhận và tự nguyện di dời.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử giữ nguyên phần quyết định về việc công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và chia thừa kế như bản án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn phù hợp.

[8] Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên ông **X** được chia diện tích 123m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa thửa 386, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã **H**, thành phố **C**, tỉnh **Đông Tháp** và được sở hữu cây trồng trên đất được chia nhưng không thể hiện các mốc của phần đất diện tích 123m² là không thể thi hành án được nên cần điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp đảm bảo tính khả thi. Đối với chi phí lệ phí đăng ký phần đất tương ứng kỷ phần của ông **X** được chia do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai ở địa phương qui định theo pháp luật.

[9] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **T4**, anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **T4**, anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5**. Xét thấy, như đã phân tích nhận định trên, đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh **Đông Tháp** là không chấp nhận kháng cáo của ông **T4** và anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5**, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **T4** và anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5**; Giữ nguyên bản

án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh;

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông **T4** phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông **T4** là người cao tuổi nên được miễn án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh **T3**, chị **Mai T4**, anh **T5** phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 175 Bộ Luật Dân sự; Điều 468, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; khoản 9 Điều 26, Điều 147 khoản 1, 2, Điều 148, khoản 2, Điều 308 và 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Võ Trung T**; anh **Võ Phú T3**, chị **Võ Trần Mai T4**, anh **Võ Phước T5**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[1] Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Ông **X**, ông **T4**, bà **S**, bà **H** được sử dụng phần đất diện tích 587,9m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, I, H, G, F, E về mốc 4 thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** làm khu mộ chung và được sở hữu các cây trồng trên khu mộ chung.

[2] Chấp nhận yêu cầu của ông **X**, bà **S**, bà **H**: Ông **X**, ông **T4**, bà **S**, bà **H** được sử dụng lối đi chung diện tích 81,2m² trong phạm vi các mốc A, H, I, 7 về A thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

[3] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông **Võ Thành X**; **Võ Trung T**; **Võ Ngọc S**; **Võ Ngọc H**.

Ông **X** được chia thừa kế diện tích 123m² trong phạm vi các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17 về 12 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 386, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** và được sở hữu cây trồng trên đất được chia (loại đất do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai ở địa phương xác định theo qui định pháp luật).

Bà **H** được chia thừa kế diện tích 237,5m² trong phạm vi các mốc D, E, F, C về mốc D, trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 137,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; được sở hữu cây trồng trên đất được chia.

Bà **S** được chia thừa kế diện tích 230,2m² trong phạm vi các mốc C, F, H, H', F', C' về mốc C, trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 130,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; được sở hữu cây trồng trên đất được chia.

Ông **T** được chia thừa kế diện tích 247,3m² trong phạm vi các mốc C', F', G', H', A, B về mốc C', trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 147,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; được sở hữu căn nhà và sở hữu cây trồng trên đất được chia; được sở hữu các cây trồng trên đất lối đi chung.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 08/3/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

[4] Cây trồng trên đất: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Ông **X**, bà **S** và bà **H** mỗi người có trách nhiệm trả cho ông **T** giá trị cây trồng trên đất là 10.000.000 đồng.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà **H**: Bà **H** hỗ trợ chi phí di dời nhà bếp tạm cho ông **T** số tiền là 5.000.000 đồng. Ông **T** có trách nhiệm di dời nhà bếp tạm và nhà vệ sinh ra khỏi phần đất của bà **H** được chia thừa kế.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng cộng là 7.715.000 đồng, ông **X**, bà **S**, bà **H** và ông **T** mỗi người phải chịu là 1.928.750 đồng. Chi phí này bà **H** đã tạm ứng và chi xong nên ông **X**, bà **S** và ông **T** mỗi người có trách nhiệm nộp để trả lại cho bà **H** số tiền 1.928.750 đồng.

[7] Về án phí sơ thẩm: **Võ Thành X; Võ Trung T; Võ Ngọc S; Võ Ngọc H** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **T** không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh **Võ Phú T3** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh **T3** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012061 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị **Võ Trần Mai T4** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **Mai T4** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012060 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Anh **Võ Phước T5** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh **T5** đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012059 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- CCTHADS thành phố Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành